TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST- DS	*Đô Lương, ngày 08 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 63/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đức H, sinh năm 1938

Địa chỉ: Xóm 4, xã Th, huyện Đ, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đức H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Xóm 4, xã Th, huyện Đ, tỉnh N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Đức H3, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm 6, xã Th huyện Đ, tỉnh N

2. Ông Lê Đức P, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm 6, xã Th, huyện Đô Lương, tỉnh N

3. Ông Lê Đức T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm 4, xã Th, huyện Đ, tỉnh N

4. Ông Lê Công L, sinh năm 1972

Địa chỉ: xóm 4, xã Th, huyện Đ, tỉnh N

5. Ông Lê Đức Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: xóm 4, xã T, huyện Đ, tỉnh N

6. Bà Lê Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: xóm 6, xã Th, huyện Đ, tỉnh N

7. Anh Hồ Sỹ A, sinh năm 1990

Địa chỉ: xóm 8, xã Th, huyện Đ, tỉnh N

8. Anh Hồ Sỹ H, sinh năm 1991

Địa chỉ: xóm 8, xã Th, huyện Đ, tỉnh N

Người đại diện cho cháu Hồ Sỹ A và cháu Hồ Sỹ H: Ông Hồ Sỹ C, sinh năm 1963

Địa chỉ: xóm 8, xã T, huyện Đ, tỉnh N

9. Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1975

Địa chỉ: xóm 4, xã Th, huyện Đ, tỉnh N

[2]. **Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- ***Giao cho anh Lê Công L và chị Nguyễn Thị L quyền sử dụng thửa đất số 2404, tờ bản đồ số 18, diện tích 908 m², trị giá 317.800.000đ,(chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có tứ cận như sau:***

+ Cạnh phía Bắc: Giáp thửa 795, tờ bản đồ số 11

+ Cạnh phía Nam: Giáp thửa138, tờ bản đồ số 18 của ông Thái Hoàng H

+ Cạnh phía Đông: Giáp thửa 3242, tờ bản đồ số 18 của ông Lê Đức P, thửa số 3243, tờ bản đồ số 18 của ông Lê Đức Q

+ Cạnh phía tây Giáp đường mương bê tông

- ***Giao cho ông Lê Đức H1 quyền sử dụng đất tại một phần của thửa 975, tờ bản đồ số 11, diện tích 178,4 m², trị giá 62.440.000đ (Đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) , có các cạnh tiếp giáp như sau:***

+ Cạnh phía Bắc: Giáp đường

+ Cạnh phía Nam: Giáp thửa 2404, tờ bản đồ số 18, hiện trạng anh Lê Công L và chị Nguyễn Thị L đang sử dụng

+ Cạnh phía Đông: Giáp thửa 122, tờ bản đồ số 19 của ông Lê Công D

+ Cạnh phía tây: Giáp phần đất chia cho ông Lê Đức Đ

- ***Giao cho ông Lê Đức Đ quyền sử dụng đất tại một phần của thửa 704,6 m², tờ bản đồ số 11, (Đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) , trị giá 246.610.000đ, có các cạnh tiếp giáp như sau:***

+ Cạnh phía Bắc: Giáp đường

+ Cạnh phía Nam: Giáp thửa 2404, tờ bản đồ số 18, hiện trạng anh Lê Công L và chị Nguyễn Thị L đang sử dụng

+ Cạnh phía Đông: Giáp phần đất chia cho ông Lê Đức H1

+ Cạnh phía tây: Giáp đường mương bê tông

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo)

"Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015".

[3].Về án phí, lệ phí Tòa án: Các đương sự tự thoả thuận với nhau phải nộp ½ mức án phí chia tài sản theo giá ngạch

+ Về án phí:

Nguyên đơn ông Lê Đức H thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm,

Bị đơn ông Lê Đức H1 phải nộp 1.561.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi mốt ngh đồng án phí chia tài sản theo giá ngạch

Ông Lê Công L và bà Nguyễn Thị L phải nộp 7.945.000đ (Bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản theo giá ngạch

Ông Lê Đức Đ phải nộp 6.165.000d (Sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản theo giá ngạch.

+ Về chi phí thẩm định tài sản: Nguyên đơn ông Lê Đức H thoả thuận nộp chi phí thẩm định tại chỗ tài sản số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

[4]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[5]. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Đại